

Bản án số: 07/2019HNGĐ - ST

Ngày 20/9/2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thao

Ông Phạm Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 6 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang H- sinh năm 1970

ĐKNKTT: Số nhà 47, tổ 4, khu 5A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang trú tại: Thôn 5, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Hồng, chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh H trình bày: Anh kết hôn với chị Dương Thị T hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 15 tháng 11 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng trong cách sống. Tháng 8 năm 2016 chị T tự ý chuyển khẩu về Ninh Bình ở cùng bố mẹ đẻ và cũng từ đây vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị T.

Về con chung: anh H và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Quang H2 sinh ngày 4/9/2011 hiện nay cháu Huy đang ở với anh H, nguyện vọng của anh H xin được nuôi cháu H2 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh H chị T không có tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị T trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời khai của anh H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 do anh H phải đi chấp hành án nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng nghi ngờ nhau dẫn đến bất đồng trong cuộc sống nên chị T đã chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Bình sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh H xin ly hôn chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị cũng nhất trí ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Quang H2 nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và công nợ chung: chị thống nhất lời khai của anh H vợ chồng chị không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nên đều nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật

Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Dương Thị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H2 sinh ngày 4/9/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Về tài sản chung và công nợ: anh Hồng, chị T không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì bị đơn chị Dương Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Yên Mô. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn là đúng qui định tại Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Mô vào ngày 15/11/2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh H chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng trong cách sống. Năm 2014 khi anh H phải đi chấp hành án tại trại giam thì chị T không chung thủy dẫn đến vợ chồng nghi ngờ nhau. Đến tháng 8/2016 thì chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Năm 2017 khi anh H chấp hành bản án xong anh H đã về đón cháu H2 ra Quảng Ninh ở nhưng tình cảm giữa anh H và chị T cũng không cải thiện được. Đến nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với anh H. Do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H chị T công với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị T đều khai vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quang H2 sinh ngày 4/9/2011 hiện nay cháu H2 đang do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn cả anh H và chị T đều xin được nuôi cháu H2 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy:

Cả anh H và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu H2 và đều chứng minh có đủ điều kiện chăm sóc cháu H2 để cháu H2 phát triển tốt như cả anh H và chị T

đều có công việc ổn định thu nhập mỗi tháng từ 9 triệu đến 13 triệu đồng và có chỗ ở ổn định, anh H có nhà riêng và chị T ở nhà cùng bố mẹ đẻ, do vậy cả anh H, chị T đều đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Tuy nhiên, anh H chị T chỉ có một con chung và hiện nay cháu H2 đang ở cùng với anh H và đang theo học tại Trường tiểu học H, thành phố M, tỉnh Quang Ninh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án huyện Yên Mô có hỏi ý kiến của cháu H2 về nguyện vọng muốn ở với bố hay ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn thì cháu H2 có nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Do vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường và hạn chế đến việc xáo trộn về tâm sinh lý cho cháu H2 khi bố mẹ ly hôn, hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh H giao cháu Nguyễn Quang H2 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên. Chị T không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh H. Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung, anh H không được cản trở chị T trong việc thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ: anh H và chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: anh H tự nguyện phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo qui định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Dương Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H2, sinh ngày 4/9/2011 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Anh H không được cản trở chị T thăm nom con chung.

2. Án phí: anh Nguyễn Quang H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/ 0002108 ngày 19/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn lại cho anh Nguyễn Quang H số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, anh Hồng, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Đồng, Yên Lâm(2)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa